TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2021.
V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé H, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Đoàn Anh K, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Thị Bé H trình bày:

Năm 2003, chị với anh Đoàn Anh K tìm hiểu, yêu thương và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên anh chị đã tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp chứng nhận kết hôn số 18 ngày 28/3/2003.Quá trình chung sống, chị với anh K có con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 15/12/2003 và Đoàn Đông Đ, sinh ngày 10/11/2015, hiện hai cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2010 trở đi thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh K không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mặc dù, chị đã khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi. Cho nên, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng hơn, hiện chị với anh K đã ly thân với nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh K, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Đoàn Anh K.

- Về quan hệ nuôi con chung: Hiện hai con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 15/12/2003 và Đoàn Đông Đ, sinh ngày 10/11/2015 đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản và nợ chung.

2. Bị đơn anh Đoàn Anh K: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp hòa giải và phiên tòa). Mặc dù, anh K trực tiếp nhận các văn bản tố tụng này

của Tòa án nhưng bị đơn anh Đoàn Anh K không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phan Thị Bé H có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Đoàn Anh K và xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 15/12/2003 và Đoàn Đông Đ, sinh ngày 10/11/2015 do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đoàn Anh K vắng mặt tại phiên tòa nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Bé H thì quan hệ pháp luật được xác định là:*"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do anh Đoàn Anh K có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Phan Thị Bé H và anh Đoàn Anh K đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được UBND xã S, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 18/2003 ngày 23/3/2003 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Bé H và anh Đoàn Anh K là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phan Thị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin được ly hôn với anh Đoàn Anh K. Chị H xác định, chị không còn tình cảm với anh Đoàn Anh K, giữa vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Đoàn Anh K mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị H, thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử; tuy nhiên, anh K là người trực tiếp nhận các văn bản này nhưng anh K không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều này cho thấy, anh K không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị H nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Bé H là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Bé H và anh Đoàn Anh K có hai con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 15/12/2003 và Đoàn Đông Đ, sinh ngày 10/11/2015. Hiện hai cháu H và Đ đang do chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hai cháu H và Đ từ nhỏ đã sống chung với nhau và do chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu H thì Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để chị H tiếp tục nuôi hai con chung là phù hợp.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Bé H không yêu cầu anh Đoàn Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Bé H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Bé H được ly hôn với anh Đoàn Anh K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Đoàn Minh H, sinh ngày 15/12/2003 và Đoàn Đông Đ, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Phan Thị Bé H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Bé H không yêu cầu anh Đoàn Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đoàn Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh K thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Bé H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000

đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Bé H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001427 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Phan Thị Bé H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Đoàn Anh K vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh